TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 253/2022/DS-GĐT
Ngày 26-9-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Quân, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Võ Thị H, sinh năm 1953; Địa chỉ: số F, Đường C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Thanh K, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên hệ: Số E, đường H, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Bạch M (Lâm Bạch M), sinh năm 1954; Địa chỉ: Số F, Đường C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1928 (chết ngày 15/12/2019);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H1:

1.1. Bà Vương Ngọc H2, sinh năm 1960; Địa chỉ: H, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.2. Bà Vương Ngọc M1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số I, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.3. Ông Vương Ngọc T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số H, tổ G, khu phố I, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.4. Ông Nguyễn Văn L, Sinh năm 1964; Địa chỉ: Số G, đường C, tổ A, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1930; Địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lộc H4 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị L1 – Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Thanh K thống nhất trình bày:

Năm 1998, bà Võ Thị H là chủ sở hữu hợp pháp căn nhà cấp 4 được xây dựng tại địa chỉ số F, Đường C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nằm trên khuôn viên diện tích đất 200 m^2 (theo đo đạc thực tế là 208,2 m^2), hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do nhà bà H xây dựng đã lâu xuống cấp trầm trọng nên bà H có yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T đến đo đạc nhằm mục đích thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà H thuê người đến để sửa chữa nhà và xây dựng lại hàng rào trên phần đất hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng.

Tuy nhiên, bà Lâm Thị Bạch M đến ngăn cản nhân viên đo đạc để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như những người thợ của bà H thuê, không cho thợ của bà H sửa chữa nhà, xây dựng hàng rào trên phần đất mà hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng. Bà M cho rằng căn nhà và diện tích đất hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng là phần đất nằm trong diện tích đất 776 m^2 của bà và được Nhà nước công nhận thông qua chứng thư là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1070/QSDĐ/PT ngày 20/8/1998. Qua lý giải của bà M nêu trên, bà H khẳng định diện tích đất khoảng 200 m^2, hiện có căn nhà cấp 4 mà bà H xây dựng từ năm 1998 là phần diện tích đất thân tộc của bà giao cho bà được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu bà Lâm Thị Bạch M chấm dứt hành vi ngăn cản việc đo đạc, thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sửa chữa nhà và xây dựng hàng rào của bà Võ Thị H đối với nhà, đất tọa lạc tại số F, Đường C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Công nhận căn nhà gắn liền với diện tích đất khoảng 208,2 m^2, tọa lạc tại khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Võ Thị H.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu công nhận phần đất 193,8 m^2 cho nguyên đơn để nguyên đơn được quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất thổ mộ với tổng diện tích 14,4 m^2 (gồm có 03 ngôi mộ) thì đề nghị tiếp tục tạm giao cho nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng.

Tại Đơn phản tố ngày 25/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị Bạch M trình bày:

Vào năm 1987, bà Lâm Thị Bạch M có mua của ông Nguyễn Thái H5 khu đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến năm 1991, bà M được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 1455/GCN-SB. Đến năm 1998, bà M cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số 1070QSDĐ/PT. Bà M đã cất nhà ở và sử dụng khu đất này ổn định liên tục từ năm 1987 cho đến nay.

Vào năm 1997, bà H là bà con xa của bà M, bà M có đồng ý cho bà H cất một cái chòi tạm ở một góc khu đất của bà M, trong quá trình sử dụng thì bà H lấy lý do để chống ngập nước nên đã xây dựng nhà bằng tường gạch. Vì là chỗ tình cảm nên bà M đồng ý cho bà H xây dựng. Thế nhưng, sau đó bà H đã tự ý cơi nới, xây dựng thêm nhà tắm để mở rộng khuôn viên, bà M không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 24/8/2000, Ủy ban nhân dân thị xã T đã ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 214/QĐ.UB để giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà H, theo đó thì Ủy ban nhân dân đã bác yêu của bà H, đồng thời xác định khu đất mà hai bên tranh chấp là đất công, sau đó thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giải quyết lại vụ việc với nội dung cũng bác yêu cầu khiếu nại của bà H, đồng thời tạm giao cho bà M được quyền quản lý, sử dụng khu đất (Quyết định số 2989/QĐ.CT ngày 10/8/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B).

Tại Quyết định giải quyết số 214/QĐ.UB ngày 24/8/2000 thì Ủy ban nhân dân thị xã T đã bác yêu cầu của bà Võ Thị H về việc yêu cầu lấy lại khu đất, điều này đồng nghĩa với việc Nhà nước không thừa nhận quyền sở hữu của bà H. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cũng đã giữ nguyên nội dung giải quyết nêu trên. Đồng thời tại Quyết định số 2989/QĐ.CT, Chủ tịch đã tạm giao cho bà M được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 58m^2. Thế nhưng, sau đó bà H vẫn cố tình không chấp hành theo các nội dung mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đã giải quyết.

Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H phải tháo dỡ căn nhà cấp 4, tọa lạc tại Đường số C, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Vụ việc tranh chấp trên của bà M và bà H đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cũng đã xác định khu đất này là khu đất công, như vậy bà H không có quyền khởi kiện vụ việc này. Nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ Điều 186, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 gồm:

Bà Vương Ngọc H2 trình bày:

Bà là con của bà Nguyễn Thị H1, bà H1 đã chết năm 2019, cha của bà H1 là ông Nguyễn Văn B chết năm 1937 và mẹ của bà H1 đã chết năm 1937, chồng của bà H1 tên Vương Ngọc H6 đã chết năm 1962.

Trên phần đất tranh chấp có 04 ngôi mộ. Trong đó, gia đình bà có 03 ngôi mộ (02 mộ đá, 01 mộ xi măng), gồm mộ của ông ngoại bà là ông Nguyễn Văn B, mộ bà ngoại bà là bà Võ Thị T1 và mộ của ông Vương Ngọc Q là anh của bà. Những ngôi mộ trên hiện nay do bà trực tiếp thờ cúng. Phần đất tranh chấp giữa bà Võ Thị H và bà Lâm Thị Bạch M là của gia tộc bà với bà H. Đối với việc tranh chấp giữa bà Võ Thị H với bà Lâm Thị Bạch M, bà không có ý kiến gì, đối với những ngôi mộ trên phần đất tranh chấp thì bà đề nghị được giữ lại.

Ông Vương Ngọc T trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200 m^2 tọa lạc tại khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ: Mộ của ông Võ Văn C (chồng của bà Nguyễn Thị H3), bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị T1 (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc T, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông B và bà T1. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H). Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì ông không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì ông sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

Bà Vương Ngọc M1 trình bày:

Bà không có họ hàng gì với bà Lâm Thị Bạch M, còn với bà Võ Thị H với bà là cùng chung ông cố là ông Nguyễn Văn P. Nguồn gốc của đất tranh chấp là của thân tộc bà và bà Võ Thị H. Trên phần đất có 03 ngôi mộ gồm, mộ của ông ngoại bà là ông Nguyễn Văn B, mộ bà ngoại bà là bà Võ Thị T1 và mộ của ông Vương Ngọc Q là anh của bà. Với phần đất tranh chấp của nguyên đơn và bị đơn thì bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Võ Thị H, đề nghị Tòa án công nhận phần đất cho bà

H. Đối với 03 ngôi mộ trên đất thì đề nghị cho bà được giữ lại.

Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200 m^2 tọa lạc tại khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ, mộ của ông Võ Văn C (chồng của bà Nguyễn Thị H3), bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị T1 (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc T, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông B và bà T1. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H. Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì ông không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì ông sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200 m^2 tọa lạc tại khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ, mộ của ông Võ Văn C (chồng của bà). Bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị T1 (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc T, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông B và bà T1. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H). Về nguồn gốc đất tranh chấp, bà xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì bà không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì bà sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương: không có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật" đối với bị đơn bà Lâm Thị Bạch M như sau:

- Nguyên đơn bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai đối với diện tích đất 193,8 m^2 (trong đó: Phần diện tích nhà là 28,5 m^2; phần diện tích đất trống là 165,3 m^2).

- Tạm giao cho nguyên đơn bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng đối với

phần đất thổ mộ có tổng diện tích 14,4 m^2 (gồm 04 ngôi mộ với diện tích 6,5 m^2; 1,4 m^2; 3 m^2 và 3,5 m^2).

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc bị đơn bà Lâm Thị Bạch M phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn bà Võ Thị H trong việc thực hiện các quyền hợp pháp của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị Bạch M đối với nguyên đơn bà Võ Thị H về việc yêu cầu tháo dỡ căn nhà có diện tích 28,5m^2 (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, lãi suất do chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 05/3/2021, bị đơn bà Lâm Thị Bạch M kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 17/3/2021, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 07/4/2021, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2022/DS-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Bạch M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tại Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2021.

3. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án dân sự phúc thẩm còn quyết định miễn án phí phúc thẩm cho người kháng cáo.

Ngày 16/5/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H7 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 131/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc

thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy bản án dân sự phúc thẩm, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần diện tích đất tranh chấp 208,2 m^2 tọa lạc tại khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong đó diện tích nhà 26,5m^2, diện tích 04 ngôi mộ 14,4 m^2 có nguồn gốc của thân tộc bà H7. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy ủy quyền ngày 20/4/1999, thể hiện ông Nguyễn Văn T2 thừa kế đất ông Nguyễn Văn P, đồng ý giao cho cháu Võ Thị H phần đất khoảng 200 m^2 đất mồ mả, trong đó có 22 m^2 cất nhà buôn bán do Võ Thị H xây dựng, trông coi mồ mả ông bà thân tộc. Tại Biên bản họp thân tộc năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường P ngày 10/7/2000, thể hiện bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị B1, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Ư và ông Nguyễn Văn L2 là con cháu trong thân tộc của ông Nguyễn Văn P, đồng ý ủy quyền cho bà H là hàng thứ 03 đại diện cho thân tộc để giải quyết tất cả sự việc tranh chấp liên quan đến Ủy ban nhân dân các cấp để giải quyết đất mồ mả trong thân tộc và giao lại cho bà H quản lý trông coi mồ mả của thân tộc tại diện tích trên dưới 200 m^2 đang quản lý, sử dụng và luôn phần diện tích đất còn lại mà bà M lấn chiếm. Như vậy, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị B1, ông Võ Văn L3, bà Trương Thị D1 và bà Nguyễn Thị H1 chỉ đồng ý giao diện tích đất khoảng 200 m^2, trên đất có căn nhà cấp 4 do bà H xây dựng diện tích khoảng 22 m^2 cho bà H quản lý, sử dụng để trông coi mồ mả trong thân tộc, chứ không giao toàn quyền đối với quyền sử dụng đất trên cho bà H. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ ý kiến của những người này đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đồng thời, Tòa án cần làm rõ ngoài những người có tên, thì thân tộc bà H còn có những ai để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà M có đơn phản tố yêu cầu bà H tháo dỡ căn nhà cấp 4. Yêu cầu phản tố của bà M không rõ về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý yêu cầu phản tố trên nhưng khi xem xét, thẩm định tại chỗ lại không thẩm định đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm là có căn cứ. Kháng nghị cho rằng việc vắng mặt những người liên quan trong thân tộc của bà H không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự khác, không làm thay đổi bản chất sự thật khách quan của vụ án là không có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

[1] Không chấp nhận Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 131/QĐ-VKS-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2022/DS-PT ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật", giữa nguyên đơn là bà Võ Thị H với bị đơn là bà Lâm Thị Bạch M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giải quyết sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

[3] Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP. HCM (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (kèm HSVA);
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng LTHS, HS, THS (AQ).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa